

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2024/DS-PT
Ngày: 29-3-2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu

Các thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân

Ông Phạm Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Đức Đăng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thuỷ Tiên, bà Nguyễn Thị Gọn, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 579/2024/TLPT- DS ngày 18 tháng 12 năm 2023 “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 157/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 01 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Công D, sinh năm 1977; địa chỉ: số nhà B, Tổ G, Ấp C, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1989; địa chỉ: số nhà I, Tổ A, Ấp C, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1968, ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1962; cùng địa chỉ: số nhà A, ấp P, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Hoài T2 sinh năm 1988 và chị Nguyễn Thị Hồng V sinh năm 1992; cùng địa chỉ: Số nhà F, ấp Đ, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện đề ngày 16-02-2023, Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 21-4-2023 và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa; ông Nguyễn Công D và bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày có nội dung như sau:

Vợ chồng ông D và vợ chồng ông T1 bà H có giao dịch vay tiền đầu năm 2021 đến khoảng cuối năm 2022, mục đích vay cho người con nuôi kinh doanh bất động sản, lãi suất thỏa thuận miệng 3%/tháng (3.000.000 đồng/100.000.000 đồng), lãi suất ngày 3.000 đồng/1.000.000 đồng. Bà H, ông T1 vay nhiều khoản, cộng dồn tiền lãi vào tiền gốc, đến ngày 23-11-2022 âm lịch 2 bên chốt nợ tiền gốc 2.250.000.000 đồng + tiền lãi 1.363.000.000 đồng, các giấy nợ cũ không còn lưu giữ. Vợ chồng ông T1 thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ), thửa số 409, Tờ bản đồ (viết tắt TBD) số 19, diện tích (viết tắt DT) 4934,4m² tên để làm tin, đất do anh Đỗ Hoài T2 và chị Nguyễn Thị Hồng V (tên thường gọi T3) đứng tên. Ngày 12-01-2023, Bà H có trả cho anh số tiền 150.000.000 đồng, nay anh yêu cầu vợ chồng ông T1 trả số tiền nợ gốc 2.100.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật; vợ chồng anh đồng ý trả GCNQSDĐ.

Bị đơn: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn T1 rình bày có nội dung thống nhất như sau: Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của vợ chồng anh D. Vợ chồng bà có vay tiền của anh D nhiều lần, có giấy nợ đã giao nộp cho Tòa án; lãi suất thỏa thuận miệng 90.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, lãi suất vay theo 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Giấy nợ ngày 23-11-2022 (âm lịch) chốt nợ tiền gốc 2.250.000.000 đồng + tiền lãi 1.363.000.000 đồng do bà H viết thành 2 bản các bên cùng ký tên, mỗi bên giữ 1 bản. Tuy nhiên, số tiền gốc vay 710.000.000 đồng không phải 2.250.000.000 đồng, nên vợ chồng bà đồng ý trả số tiền 710.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Đỗ Hoài T2 và vợ Nguyễn Thị Hồng V trình bày có nội dung thống nhất như sau: Cha mẹ đẻ của chị V là ông T1, bà H. Bà H vay tiền để tổ chức đám cưới cho em của chị V và vợ chồng anh D yêu cầu thế chấp giấy đất; nhưng giấy đất của vợ chồng ông T1 đang thế chấp cho ngân hàng, nên vợ chồng anh T2 dùng GCNQSDĐ của vợ chồng anh Thanh thế c. Vợ chồng anh T2 không có vay tiền của vợ chồng anh D; nên không có nghĩa vụ trả nợ. Vợ chồng anh D phải trả GCNQSDĐ cho vợ chồng anh.

Bản án sơ thẩm số: 157/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh; quyết định:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Công D, chị Nguyễn Thị Thanh T đối với bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Công D, chị Nguyễn Thị Thanh T số tiền 2.249.917.000 (Hai tỷ hai trăm bốn mươi chín triệu chín trăm mười bảy nghìn) đồng, bao gồm: Nợ gốc 2.100.000.000 đồng và tiền lãi 149.917.000 đồng.

2. Anh Nguyễn Công D, chị Nguyễn Thị Thanh T có nghĩa vụ trả lại cho anh Đỗ Hoài T2, chị Nguyễn Thị Hồng V 01 (một) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BT 602786, sổ vào sổ cấp GCN CH01711 (CN), thửa đất số 409, tờ bản đồ số 19, diện tích 4934,4 m², cấp ngày 04-3-2015 anh T2 và chị V đứng tên.

Bản án quyết định án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 10-10-2023, bà Trần Thị H có đơn kháng cáo đề nghị sửa án chỉ đồng ý trả trả số tiền 710.000.000 đồng.

Sau phiên toà ngày 21/02/2024, Toà án phúc thẩm thu thập thêm chứng cứ, lấy lời khai, nguyên đơn xác định số tiền 2.250.000.000 đồng cho bà H vay nhiều lần, thời hạn vay đến tháng 12/2021 trả nợ tiền gốc và tiền lãi, tiền lãi tính riêng không gộp tiền lãi với tiền gốc, tiền lãi tính hàng tháng với lãi suất 3%/tháng, những lần vay như sau:

1/ Ngày 01-01-2021 bà H vay số tiền 50.000.000 đồng.

2/ Ngày 02-01-2021 bà H vay số tiền 300.000.000 đồng, vay hai lần mỗi lần 150.000.000 đồng;

3/ Ngày 04-01-2021 bà H vay số tiền 260.000.000 đồng, vay hai lần.

4/ Ngày 01-02-2021 bà H vay số tiền 220.000.000 đồng, vay hai lần mỗi lần 120.000.000 đồng và lần vay 100.000.000 đồng.

5/ Ngày 02-02-2021, bà H vay số tiền 80.000.000 đồng;

6/ Ngày 01-3-2021, bà H vay số tiền 210.000.000 đồng; vay hai lần mỗi lần 120.000.000 đồng và lần vay 90.000.000 đồng.

7/ Ngày 01-5-2021, bà H vay số tiền 110.000.000 đồng; vay hai lần mỗi lần 70.000.000 đồng và lần vay 40.000.000 đồng.

8/ Ngày 01-6-2021, bà H vay số tiền 190.000.000 đồng; vay hai lần mỗi lần 30.000.000 đồng và lần vay 160.000.000 đồng.

9/ Ngày 01-7-2021, bà H vay số tiền 100.000.000 đồng;

10/ Ngày 01-8-2021, bà H vay số tiền 70.000.000 đồng;

11/ Ngày 01-10-2021, bà H vay số tiền 200.000.000 đồng; vay hai lần mỗi lần 80.000.000 đồng và lần vay 120.000.000 đồng.

12/ Ngày 01-11-2021, bà H vay số tiền 190.000.000 đồng;

Tiền lãi tính theo tháng, sai đó vợ chồng bà H xin nên nguyên đơn không yêu cầu trả tiền lãi; cụ thể như sau:

1/ Tháng 1 số tiền vay tổng 610.000.000 đồng $\times 3\% = 18.300.000$ đồng.

2/ Tháng 2 số tiền vay tổng 300.000.000 đ $\times 3\% = 9.000.000$ đồng + tiền lãi cũ 18.300.000 đồng = 45.600.000 đồng;

3/ Tháng 3 số tiền vay tổng 480.000.000 đ $\times 3\% + 910.000.000$ đồng $\times 3\% = 14.400.000$ đồng + 27.300.000 đồng + tiền lãi cũ 18.300.000 đồng = 87.300.000 đồng;

4/ Tháng 4 số tiền vay tổng 1.390.000.000 đ $\times 3\% = 41.700.000$ đồng + tiền lãi cũ 87.300.000 đồng = 129.000.000 đồng;

5/ Tháng 5 số tiền vay tổng $110.000.000 \text{ đ} \times 3\% = 3.300.000 \text{ đồng} + 1390.000.000 \text{ đồng} \times 3\% = 41.700.000 \text{ đồng} + \text{tiền lãi cũ } 129.000.000 \text{ đồng} = 174.000.000 \text{ đồng};$

6/ Tháng 6 số tiền vay tổng $190.000.000 \text{ đ} \times 3\% = 5.700.000 \text{ đồng} + 1.500.000.000 \text{ đồng} \times 3\% = 45.000.000 \text{ đồng} + \text{tiền lãi cũ } 174.000.000 \text{ đồng} = 224.000.000 \text{ đồng};$

7/ Tháng 7 số tiền vay tổng $100.000.000 \text{ đ} \times 3\% = 300.000 \text{ đồng} + 1.690.000.000 \text{ đồng} \times 3\% = 50.700.000 \text{ đồng} + \text{tiền lãi cũ } 224.700.000 \text{ đồng} = 278.400.000 \text{ đồng};$

8/ Tháng 8 số tiền vay tổng $70.000.000 \text{ đ} \times 3\% = 2.100.000 \text{ đồng} + 1.790.000.000 \text{ đồng} \times 3\% = 53.700.000 \text{ đồng} + \text{tiền lãi cũ } 278.400.000.000 \text{ đồng} = 334.200.000 \text{ đồng};$

9/ Tháng 9 số tiền vay tổng $1.860.000.000 \text{ đ} \times 3\% = 55.800.000 \text{ đồng} + \text{tiền lãi cũ } 334.200.000 \text{ đồng} \times 3\% = 390.000.000 \text{ đồng};$

10/ Tháng 10 số tiền vay tổng $200.000.000 \text{ đ} \times 3\% = 6000.000 \text{ đồng} + 1.860.000.000 \text{ đồng} \times 3\% = 55.800.000 \text{ đồng} + \text{tiền lãi cũ } 390.00.000.000 \text{ đồng} = 451.800.000 \text{ đồng};$

11/ Tháng 11 số tiền vay tổng $190.000.000 \text{ đ} \times 3\% = 5.700.000 \text{ đồng} + 2.060.000.000 \text{ đồng} \times 3\% = 61.800.000 \text{ đồng} + \text{tiền lãi cũ } 451.800.000.000 \text{ đồng} = 519.300.000 \text{ đồng};$

12/ Tháng 12 số tiền vay tổng $2.250.000.000 \text{ đ} \times 3\% = 67.500.000 \text{ đồng} + \text{tiền lãi cũ } 519.300.000 \text{ đồng} = 586.800.000 \text{ đồng};$

13/ Tháng 1/2022 đến ngày 16-12-2022 số tiền vay tổng $2.250.000.000 \text{ đ} \times 3\% \times 11 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 776.250.000 \text{ đồng} + 586.8000.000 \text{ đồng} = 1.363.050 \text{ đồng};$

Riêng bà H trình bày số tiền 2.250.000.000 đồng là tiền gốc, tiền lãi viết thành giấy nợ khác, nhưng bà không chứng minh được. Những giấy nợ bà H nộp cho Tòa án; bà H không xác định được giấy nợ nào là tiền nợ gốc và giấy nợ nào là tiền lãi viết thành giấy nợ số tiền vay gốc. Bà H trả tiền lãi cho nguyên đơn trên 3.000.000.000 đồng không có viết biên nhận tiền. Bà H xác định những giấy nợ từ bút lục số 101 đến số 147, tổng số tiền vay trên 6.000.000.000 đồng, bà đã trả nợ xong.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà H trình bày trong số tiền 2.250.000.000 đồng có tiền gốc 710.000.000 đồng, tiền lãi bao nhiêu bà không xác định được, có khi bà trình bày tiền lãi trên 3.000.000.000 đồng, có khi bà trình bày tiền lãi trên 5.000.000.000 đồng, đã trả bớt còn nợ tiền lãi trên 3.000.000.000 đồng, có khi bà trình bày những giấy nợ giao nộp cho Tòa án bà không nhớ giấy nợ nào đã trả xong, giấy nợ nào chưa trả. Ngày 23-11-2021 viết giấy nợ số tiền 2.250.000.000 đồng tại nhà của bà H; có chồng bà chứng kiến và ông T1 đồng ý trả nợ. Bà giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà đồng ý trả số tiền 710.000.000 đồng và trả tiền lãi theo pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh ý kiến:

+ Tổ tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và những người tham gia tổ tụng chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Dân sự; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nội dung vụ kiện được xác định:

[1.1] Căn cứ văn bản lập ngày 23-11-2022, do bà Trần Thị H soạn thảo, thể hiện bà Trần Thị H có vay của vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Công D số tiền 3.613.000.000 đồng, gồm: số tiền vay gốc 2.250.000.000 đồng và số tiền lãi phải trả 1.363.000.000 đồng, bà H có giao GCNQSD đất chủ sở hữu của vợ chồng anh Đỗ Hoài T2 và chị Nguyễn Thị Hồng T4 (con đẻ bà H); nên giữa bà H và vợ chồng anh D đã xác lập giao dịch vay tiền, được các bên thừa nhận; Toà án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự giải quyết tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” là đúng pháp luật.

[1.2] Các bên thống nhất xác định số tiền 2.250.000.000 đồng là của nhiều lần giao dịch, đến ngày 23-11-2022 lập giấy nợ xác nhận tổng số tiền là 2.250.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh D cho rằng đã viết giấy nợ tổng nên huỷ những giấy nợ trước, anh D không thể giao nộp cho Toà án.

[1.3] Bà H cho rằng thực tế bà đã vay số tiền 710.000.000 đồng, không phải vay số tiền 2.250.000.000 đồng, nhưng bà H không có chứng cứ. Những giấy nợ bà giao nộp cho Toà án từ các bút lục số 87 đến 98 và từ bút lục số 101 đến 147, do bà H tự viết để theo dõi quá trình vay tiền của anh D nhưng vợ chồng anh D không thừa nhận; Toà án không có căn cứ xem xét. Ngoài ra bà H có nhiều lời khai không thống nhất.

[1.4] Như vậy, các bên không có chứng cứ chứng minh cho nhiều lần vay tiền, Toà án sơ thẩm đã căn cứ giấy viết tay lập ngày 23-11-2022 (âm lịch) số tiền vay 2.250.000.000 đồng và giấy viết tay lập ngày 12-01-2023 bà H đã trả số tiền 150.000.000 đồng, được các bên thừa nhận và Toà án sơ thẩm dùng làm chứng cứ, buộc vợ chồng bà H trả cho vợ chồng ông Danh số tiền 2.100.000.000 đồng là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của bà Trần Thị H yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm buộc vợ chồng bà H trả cho vợ chồng anh Danh số tiền 710.000.000 đồng và trả tiền lãi theo lãi suất pháp luật; nhưng không cung cấp chứng cứ mới chứng minh yêu cầu kháng cáo của bà nên không chấp nhận kháng cáo của bà H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 12, 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bà H phải chịu số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Giữ nguyên Bản sơ thẩm số: 157/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Công D, chị Nguyễn Thị Thanh T đối với bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn T1 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Công D, chị Nguyễn Thị Thanh T số tiền 2.249.917.000 (hai tỷ, hai trăm, bốn mươi chín triệu, chín trăm mười bảy nghìn) đồng (Tiền gốc 2.100.000.000 đồng và tiền lãi 149.917.000 đồng).

3. Anh Nguyễn Công D, chị Nguyễn Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho anh Đỗ Hoài T2, chị Nguyễn Thị Hồng V 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BT 602786, sổ vào sổ cấp GCN CH01711 (CN), Thửa đất số 409, Tờ bản đồ số 19, diện tích 4934,4m², cấp ngày 04-3-2015 cho anh T2 và chị V.

4. Kể từ tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Bà Trần Thị H phải chịu số tiền 38.499.170 đồng, làm tròn 38.499.000 (ba mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn) đồng.

5.2. Ông Nguyễn Văn T1 được miễn số tiền án phí 38.499.000 (ba mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn) đồng.

5.3. Trả cho anh Nguyễn Công D, chị Nguyễn Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí 38.500.000 (ba mươi tám triệu, năm trăm nghìn) đồng, căn cứ Biên lai thu số 0013057 ngày 16-02-2023 và số tiền 1.400.000 (một triệu, bốn trăm nghìn) đồng căn cứ Biên lai thu số 0013328 ngày 21-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự; người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; căn cứ các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện căn cứ Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Căn cứ Biên lai thu tạm ứng án phí số 0013985 ngày 10-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh; ghi nhận đã nộp.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS H. DMC;
- TAND H DMC;
- Các đương sự;
- LưuTDS;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Minh Châu